TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu cần tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị Đ, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Anh Lưu Văn Th, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2021, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thái Thị Đ trình bày:

Vào ngày 29/3/2002 chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lưu Văn Th và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Do vợ chồng sống chung không hòa thuận, không ai nhường nhịn ai nên dẫn đến thường xuyên

cự cãi, luôn bất đồng ý kiến. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/01/2003 và Lưu Thị Kim Ng, sinh ngày 15/12/2010. Tùy theo nguyện vọng của các con nếu muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2021 quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lưu Văn Th trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đ là về quan hệ hôn nhân, về thời gian đăng ký kết hôn,con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng sống chung tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, không ai nhường nhị ai. Sau khi chị Đ nộp đơn ly hôn thì anh và những người thân trong gia đình có đến để năn nỉ chị Đ quay về nhưng chị Đ cương quyết không đồng ý quay về, nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/01/2003 và Lưu Thị Kim Ng, sinh ngày 15/12/2010. Nếu chị Đ cương quyết ly hôn thì tùy theo nguyện vọng của các con nếu muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày ngày 25/10/2021 cháu Lưu Thị Kim Ng trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con là được sống chung với mẹ.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Về hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Thái Thị Đ.

Về con chung: chấp nhận cho chị Thái Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Lưu Thị Kim Ng là phù hợp với nguyện vọng sống chung với mẹ của cháu Ng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Đối với cháu Lưu Thị Ngọc B đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Th thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí buộc chị Thái Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Lưu Thị Ngọc B và Lưu Thị Kim Ng (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản pho to).

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về con chung: Chị Thái Thị Đ và anh Lưu Văn Th thống nhất có 02 con chung tên tên Lưu Thị Ngọc B, sinh ngày 11/01/2003 và Lưu Thị Kim Ng, sinh ngày 15/12/2010.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Th thống nhất khai không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Đ yêu cầu ly hôn, anh Th không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thái Thị Đ và anh Lưu Văn Th có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không ai nhường nhịn ai, quá trình tố tụng anh Th cũng xác nhận do nóng tính nên có la vợ con và sau khi chị Đ bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột và nộp đơn ly hôn anh có đến để nan nỉ rước chị Đ nhưng chị Đ vẫn không đồng ý quay trở về anh cũng có nhờ người lớn bên gia đình anh đến nhà cha mẹ vợ để nan nĩ rước chị Đ về, nhưng chị Đ vẫn cương quyết không quay về sống cùng với anh, chứng tỏ chị Đ không còn thương yêu gì anh Th nữa nếu vợ chồng có sống chung với nhau thì sẽ không có hạnh phúc. Căn cứ vào

điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thái Thị Đ được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung tên là Lưu Thị Ngọc B sinh ngày 11/01/2003 và Lưu Thị Kim Ng, sinh ngày 15/12/2010. Tại phiên tòa chị Đ và Th xác nhận cháu Lưu Thị Ngọc B đã thành niên có cuộc sống tự lập và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Đối với chau Lưu Thị Kim Ng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, nên giao cháu Kim Ng cho chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thái Thị Đ và anh Lưu Văn Th thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Thái Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Đ cho chị Đ được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

2. Về con chung: Chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lưu Thị Kim Ng, sinh ngày 15/12/2010 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Ng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Đối với con chung tên Lưu Thị Ngọc B đã thành niên và có cuộc sống tự lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh Th thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thái Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002708 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh. Chị Đ đã nộp đủ . Anh Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền